

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 08-07-2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đức Chung.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Triều là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 199/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Vũ Anh K**, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ T, đường D, khu tái định cư L, ấp U, xã T (xã L, huyện T cũ), tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1987, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ T, đường D, khu tái định cư L, ấp U, xã T (xã L, huyện T cũ), tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn-ông Phạm Vũ Anh K trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Đ chung sống với nhau vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Bà Đ đã bỏ nhà đi, không có tin tức từ ngày 12/05/2024. Xét thấy mâu thuẫn đã

trầm trọng, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Đ.

- Về con chung: Có 01 cháu là Phạm Minh K, sinh ngày 15/06/2021. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh K, ông không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết, bà Phạm Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-ông Phạm Vũ Anh K. Về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Qua xác minh tại Công an xã L và Công an thị trấn T thì bị đơn- bà Phạm Thị Đ không đăng ký thường trú, tạm trú và sinh sống tại địa phương. Ông Phạm Vũ Anh K đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Phạm Thị Đ. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với bà Phạm Thị Đ. Tuy nhiên, bà Phạm Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn- bà Phạm Thị Đ. Nguyên đơn- ông Phạm Vũ Anh K vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn-ông K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Vũ Anh K và bà Phạm Thị Đ tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại

UBND thị trấn T (giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 27/10/2020) nên quan hệ hôn nhân của ông K và bà Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì trong quá trình chung sống, ông K và bà Đ có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Bà Đ đã bỏ nhà đi từ ngày 12/05/2024 đến nay, không có tin tức. Ông Phạm Vũ Anh K đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Phạm Thị Đ nhưng không có kết quả. Như vậy, giữa ông K và bà Đ đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K, xử cho ông K được ly hôn với bà Đ là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 15/06/2021. Sau khi ly hôn, ông Phạm Vũ Anh K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay cháu Minh K đang chung sống cùng với ông K và được chăm sóc tốt. Ông K có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi con. Vì vậy, có căn cứ giao cháu Phạm Minh K cho ông Phạm Vũ Anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông Phạm Vũ Anh K không yêu cầu bà Phạm Thị Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông K khai không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông K khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Vũ Anh K được chấp nhận nên ông Phạm Vũ Anh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 09, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn- ông Phạm Vũ Anh K đối với bị đơn- bà Phạm Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Vũ Anh K được ly hôn với bà Phạm Thị Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 15/06/2021 ông Phạm Vũ Anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Vũ Anh K không yêu cầu bà Phạm Thị Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Vũ Anh K khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Phạm Vũ Anh K khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Phạm Vũ Anh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014839 ngày 21/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai), ông K đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Đức Chung – Lê Thị Ánh Sáng

Đào Ngọc Nam

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Ngọc Nam